

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 681/2024/HC-PT

Ngày: 03 - 7 - 2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ
trợ, tái định cư và giải quyết khiếu
nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Cúc;

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 814/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Vụ án được xét xử theo hình thức trực tuyến, bao gồm 02 điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điểm cầu thành phần: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1960/2024/QĐ-PT ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Bình H, sinh năm 1963 (có mặt tại điểm cầu Đ);

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Văn N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Nguyễn Tấn H1 - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, Khóm C, thị trấn S, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Huỳnh Văn T - Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ (có mặt tại điểm cầu Đ);

Địa chỉ: Tầng B tòa nhà A tầng, đường L, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người kháng cáo:** Người khởi kiện ông Lê Bình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, người khởi kiện ông Lê Bình H trình bày:

Các quyết định hành chính:

- Quyết định số: 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi 24,7m² đất thuộc thửa 29, tờ bản đồ số 50, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm của ông Lê Bình H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã T, huyện T.

- Quyết định số: 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất với tổng giá trị: 23.327.300 đồng.

- Quyết định số: 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giữ nguyên Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã T, huyện T.

- Quyết định số: 67/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ công nhận và giữ nguyên Quyết định số: 977/QĐ-UBND.NĐ

ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Bình H.

Ông không đồng ý với nội dung các quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nêu trên vì lý do như sau: Ngày 28/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Bình H thửa đất số 29, tờ bản đồ số 50, diện tích 429m²; Mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thời hạn sử dụng đến ngày 15/10/2043; Đất tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Năm 2021, Nhà nước tiến hành mở rộng đường Tỉnh lộ ĐT 842 trùng vào đất của ông chiều ngang giáp đường Tỉnh lộ ĐT 842, chiều vô là 06m. Nhà nước quy hoạch đất chiều vô 06m nhưng thời điểm cán bộ đến đo đạc đất thì chỉ tính diện tích đất bồi thường có 03m chiều vô, 03m còn lại thì không bồi thường (trong khi quy hoạch 06m). Sau khi đo đạc thì xác định phần đất trùng quy hoạch diện tích 24,7m², thuộc một phần thửa đất số 29, tờ bản đồ số 50. Ngày 18/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ nội dung thu hồi diện tích 24,7m², thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 50, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm của ông Lê Bình H. Đồng thời, ngày 20/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ về việc bồi thường hỗ trợ về đất và tài sản cho ông Lê Bình H với số tiền là 23.327.300 đồng.

Ông không đồng ý việc Ủy ban nhân dân huyện T không bồi thường 03m tính từ mép lộ bởi vì đất này đã được Nhà nước giao quyền sử dụng đất vào năm 2018. Trong quá trình sử dụng đất thì Nhà nước có làm đường ĐT 842 trùng vào đất của ông nhưng Nhà nước không có bồi thường, nay Nhà nước tiếp tục mở rộng đường bao nhiêu thì phải bồi thường cho ông bấy nhiêu. Theo quy định tại Điều 74, Điều 75 Luật đất đai, phần đất của ông không thuộc trường hợp đất thu hồi không được bồi thường. Vì vậy, Nhà nước quy hoạch chiều vô 06m thì phải bồi thường 06m, bồi thường 03m là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ông có gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, yêu cầu bồi thường đất chiều vô 06m và yêu cầu bồi thường theo giá đất thị trường hiện nay đối với đất trồng cây lâu năm là 3.600.000 đồng/1m². Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T giải quyết bác đơn khiếu nại theo Quyết định số: 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022, nội dung giữ nguyên Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 và Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T.

Ông không đồng ý và tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ngày 12/4/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số: 67/QĐ-UBND.NĐ nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số: 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T. Ông không đồng ý với các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ vì các Quyết định hành chính này trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số: 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số: 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số: 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số: 67/QĐ-UBND.NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Tại Văn bản ý kiến số 176/UBND-NC ngày 20/6/2023 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

Năm 2021, Nhà nước quy hoạch nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 842, đất ông Lê Bình H trúng quy hoạch một phần đất trồng cây lâu năm, Ủy ban nhân dân huyện B quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường loại đất trồng cây lâu năm, ông Lê Bình H không thống nhất, yêu cầu: Giá bồi thường đất ở nông thôn là 3.200.000đ/m². Xác định diện tích bồi thường, đo đạc từ mí lộ nhựa trở vào. Thảm định lại giá mặt nền bê tông cốt thép. Qua kiểm tra, rà soát ông Lê Bình H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 28/6/2018 tại thửa 29, tờ bản đồ số 50, diện tích 429m², mục đích đất trồng cây lâu năm. Thửa đất có 140,3m² đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ an toàn tỉnh lộ 842. Năm 2021, đất ông Lê Bình H trúng quy hoạch. Ngày 18/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đối với ông Lê Bình H, diện tích 24,7m², thuộc một phần thửa số 29, tờ bản đồ số 50, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Ngày 20/01/2022, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho ông Lê Bình H. Ông Lê Bình H không thống nhất và có đơn khiếu nại. Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường loại đất trồng cây lâu năm là phù hợp. Lý do: Diện tích trên giấy chứng nhận là đất trồng cây lâu năm.

Ông Lê Bình H yêu cầu giá bồi thường đất ở nông thôn 3.200.000đ/m² là không có căn cứ. Vì không đúng với giá bồi thường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành theo Quyết định số 290/QĐ-UBND.NĐ ngày 09/11/2021 phê duyệt đơn giá đất cụ thể lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 842 đoạn qua huyện T. Việc yêu cầu đo đạc tính bồi thường từ mí lộ nhựa trở vào là không có cơ sở. Lý do: Căn cứ hồ sơ địa chính Tỉnh lộ 842 là 12 mét (tìm ra mỗi bên 6m là đất giao thông). Ngoài ra, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, khi đo đạc xác định diện tích bồi thường căn cứ vào hồ sơ địa chính và giấy chứng nhận đã cấp cho ông Bình H. Do đó, yêu cầu bồi thường từ mí lộ nhựa vào là không phù hợp. Nhà nước bồi thường nền bê tông cốt thép cho ông Lê Bình H đúng theo quy định tại Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND.NĐ ngày 26/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ Ban hành Quy định về giá nhà và vật kiến trúc xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Vì các lý do trên, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 198/QĐ- UBND.NĐ ngày 18/01/2022 về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án

Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 842, xã T, huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Bình H là phù hợp.

Tại Văn bản ý kiến số 212/UBND-TCD-NC ngày 14/6/2023 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ trình bày:

Ông Lê Bình H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp hủy Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ là không có cơ sở. Bởi lẽ: Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 09/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.842, xã T, huyện T. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định như sau:

Bác khởi kiện của ông Lê Bình H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2023, người khởi kiện ông Lê Bình H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc hủy các Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND.NĐ ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, vì ông cho rằng, đất của ông là đất ở nông thôn, nhưng bồi thường theo đất trồng cây lâu năm, là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo ông Lê Bình H trình bày lại yêu cầu kháng cáo như sau:

Ông không kháng cáo đối với phần yêu cầu bồi thường 03m đất tính từ mố nhựa Tỉnh lộ 842 trở vào; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị tính bồi thường 24,7m² theo đơn giá đất ở tại nông thôn, vì theo ông đất ông sử dụng vào mục đích để ở; đồng thời đề nghị hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày

18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Tài liệu hồ sơ thể hiện việc ban hành các Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và phù hợp quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bình H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo của ông Lê Bình H, là hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ ba, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét, việc vắng mặt của những người nêu trên, không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện. Do đó, căn cứ các Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.3]. Ông Lê Bình H không kháng cáo đối với phần yêu cầu bồi thường 03m đất tính từ mép nhựa Tỉnh lộ 842 trở vào. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bình H:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

Việc ban hành các Quyết định số 198, Quyết định số 1148 của UBND huyện T, Quyết định số 977 của Chủ tịch UBND huyện T, Quyết định số 67 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 3 Điều 66 của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại.

Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các Quyết định số 198 và Quyết định số 1148 đối với ông H theo đúng trình tự thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 62, các Điều 66, 67, 68, 69 của Luật Đất đai 2013; Chương 3 về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất.

Về trình tự thủ tục của các Quyết định số 977, Quyết định số 67 của Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 27, 28, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011; các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.2]. Về tính có căn cứ của các quyết định hành chính bị kiện:

[2.2.1]. Tại đơn kháng cáo ngày 04/10/2023, ông Lê Bình H cho rằng đất của ông là đất ở tại nông thôn, nhưng khi xét đền bù là đất trồng cây lâu năm. Tuy nhiên, căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 900376 ngày 28/6/2018 do Sở TN&MT tỉnh Đ cấp cho ông Lê Bình H thì phần đất 24,7m² thuộc một phần diện tích 420,0m², thửa số 29, tờ bản đồ số 50 thuộc xã T và toàn bộ thửa số 29 là đất trồng cây lâu năm. Đồng thời, tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng đất ngày 05/11/2021 do anh Lê Văn V (con trai của ông H) ký tên, xác nhận, diện tích đất bị thiệt hại 24,7m², là loại đất trồng cây lâu năm. Mặt khác, phần đất này nằm trong chỉ giới giao thông, chủ yếu để trồng cây và sân, không ảnh hưởng đến nhà ở của ông H. Do đó, việc ông H cho rằng phần diện tích 24,7m² là đất ở nông thôn, là không có cơ sở.

Tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013: “Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất”.

Theo Quyết định số 1148 kèm theo Bảng kê chi tiết bồi thường, hỗ trợ xác định đất của ông H thuộc khu vực 2, vị trí 1 (trong phạm vi 50m đối với đất tiếp giáp đường) mà theo Quyết định số 290/QĐ-UBND-NĐ về phê duyệt đơn giá đất cụ thể của UBND tỉnh Đ cho dự án này thì đất tại xã T, loại đất trồng cây lâu năm thuộc khu vực này là 458.000đ/m². Do đó, UBND huyện T bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất nằm trong dự án cho ông Lê Bình H với tổng giá trị 23.327.300 đồng, là đúng pháp luật.

[2.2.2]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy ông Lê Bình H không cung cấp được tình tiết mới làm căn cứ sửa bản án sơ thẩm theo hướng bồi thường 24,7m² theo giá đất ở tại nông thôn và hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bình H, cần giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, lẽ ra theo quy định của pháp luật, ông Lê Bình H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Lê Bình H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí phúc thẩm nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 203, Điều 220, Khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Bình H.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2023/HC-ST ngày 19-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2.1. Căn cứ vào quy định tại Điều 11, 62, 66, 67, 68, 69, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013; Điều 27, 28, 30, 31 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ vào quy định tại Chương 3 về Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 11, 18, 21 Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ về Quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ vào quy định tại Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T1 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất;

2.2. Bác khởi kiện của ông Lê Bình H đối với yêu cầu hủy Quyết định số 198/QĐ-UBND.NĐ ngày 18/01/2022, Quyết định số 1148/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện T, Quyết định số 977/QĐ-UBND.NĐ ngày 06/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Quyết định số 67/QĐ-UBND-NĐ ngày 12/4/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Bình H được miễn.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HSA, VP (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hòa